

TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06/4/2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bình.
2. Ông Nguyễn Văn Quân.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 06/4/2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST – HNGĐ ngày 02/02/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1984

Địa chỉ: xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (có mặt).

* Bị đơn: Chị Cao Thị D – sinh năm 1984.

Địa chỉ: xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/02/2018 và bản tự khai ngày 08/02/2018 anh Nguyễn Văn S trình bày.

Sau một thời gian tìm hiểu anh và chị Cao Thị D kết hôn ngày 09/7/2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, không quan tâm vun đắp hạnh phúc gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, nên trong cuộc sống gia đình luôn xảy ra cãi chửi

nhau. Nhưng vì thương con còn nhỏ, nên cả hai vợ chồng cố gắng duy trì quan hệ vợ chồng cho con cái có bố có mẹ. Nhưng đến nay mặc dù cố gắng duy trì quan hệ vợ chồng, hai bên gia đình khuyên can, giải thích, động viên nhiều lần nhưng vẫn không được. Nay anh S xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không thể hàn gắn được, nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Cao Thị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung, cháu Nguyễn Ngọc Á – sinh ngày 23/02/2010 và cháu Nguyễn Việt H – sinh ngày 16/11/2012. Nếu ly hôn anh S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H, giao cháu Á cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định của pháp luật.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Ý kiến của chị Cao Thị D: Điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng như anh S trình bày là đúng sự thật. Nhưng mong muốn của chị là vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, nếu anh S vẫn kiên quyết ly hôn thì chị đề nghị Tòa án căn cứ theo qui định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung như anh S trình bày là đúng, nhưng nếu phải ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 cháu và yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định của pháp luật.

Về tài sản: Chị Cao Thị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*Về nguyện vọng của các cháu: Cháu Nguyễn Ngọc Á – sinh ngày 23/02/2010 có ý kiến: Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu Á có nguyện vọng được ở với mẹ.

Ngày 22/3/2018 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng chị D vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa theo qui định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt chị D. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D. Còn đối với anh S vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và giải quyết về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự tại phiên hòa giải, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Nguyễn Văn S và chị Cao Thị D kết hôn ngày 09/7/2009. Trước khi kết hôn giữa hai người có thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình đồng ý, không ai cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình ngày càng không hợp nhau, mâu

thuần tích tụ lớn dần, giữa vợ chồng không có phương pháp giải tỏa, hai bên gia đình động viên cũng không có kết quả, chị D phải đi thuê nhà trọ để ở, giữa chị và anh S không còn ở chung nhà. Anh S kiên quyết ly hôn, chị D chưa tỏ rõ quan điểm nhưng cũng thể hiện không còn có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nữa. Muốn níu kéo để kéo dài thời gian nhằm gây khó khăn cho anh S. Vì vậy, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị D không còn đã đến mức trầm trọng. Nên xử cho anh S được ly hôn chị Cao Thị D là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế.

[2] Về con chung: Chị D và anh S có 02 con chung, cả hai cháu hiện đang ở cùng mẹ tại nhà trọ. Nguyên vọng của cháu Nguyễn Ngọc Á là nếu bố mẹ ly hôn, xin được ở với mẹ. Xét thực tế Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị D muốn trực tiếp nuôi cả 02 con, nhưng với mức thu nhập lương công ty thấp, không có nơi ở, nhà ở ổn định, nên chị yêu cầu nuôi cả 02 cháu là không thực tế. Vì vậy, nên giao cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Việt H – sinh ngày 16/11/2012; và giao cháu Nguyễn Ngọc Á – sinh ngày 23/02/2010 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp qui định của pháp luật và thực tế, cũng đúng nguyện vọng của cháu Ngọc Á.

[3] Về tài sản: Anh S và chị D không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 ; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử: Cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Cao Thị D.

*Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Á – sinh ngày 23/02/2010 cho chị Cao Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Việt H – sinh ngày 16/11/2012 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, bên trực tiếp nuôi con không được ngăn cấm, cản trở.

*Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải chịu: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh S đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0002673 ngày 02/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Anh S đã nộp đủ án phí.

*Án xử công khai sơ thẩm anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Cao Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trình hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- VKSND huyện N
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện N;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu